

Số: 27/2024/HSST

Ngày 11 tháng 01 năm 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G- TỈNH B

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Xuân S.

Các Hội thẩm: Ông Phan Duy Th.

Ông Hoàng Đăng Đ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn P – Thư ký Tòa án nhân dân huyện G.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G, tỉnh B tham gia phiên tòa: Ông

Phùng Đức D- Kiểm sát viên.

Ngày 11/01/2024, tại trụ sở Tòa án, Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh B, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 28/2023/TLST- HS ngày 01/12/2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2023/QĐXXST- HS ngày 27/12/2023 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Văn H, sinh năm 1990 (Tên gọi khác: T), tại NĐ. HKTT: Xóm 7, xã XC, huyện XT, tỉnh NĐ; Nơi ở hiện nay: CM, VD, Tp B, B; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 11/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Tr, sinh năm 1953 và bà Nguyễn Thị Th1, sinh năm 1953; Gia đình có 04 anh chị em, bị cáo là con thứ 3; vợ: Phạm Thị Kim G1, sinh năm 1993; con: Có 02 con, con lớn sinh năm 2012, con nhỏ sinh năm 2015.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 07/7/2023 đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam- Công an tỉnh B. Có mặt.

2. Trần Văn L, sinh năm 1989 (Tên gọi khác: Trần Văn L1), tại B. Nơi cư trú: Thôn HĐ, xã ĐL, huyện G, tỉnh B; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 09/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn L2, sinh năm 1964 và bà Phạm Thị Th2, sinh năm 1963; Gia đình có 03 chị em, bị cáo là con thứ 2; vợ: Mã Thị Th3, sinh năm 1993; con: Có 04 con, lớn sinh năm 2012, nhỏ sinh năm 2023.

Tiền án, tiền sự: Không

Nhân thân: Quyết định xử phạt hành chính số 128/QĐ-XPHC ngày 02/11/2023 của Công an huyện G xử phạt Trần Văn L về hành vi đánh Đỗ Đức T1. Hình thức xử phạt: Phạt tiền, mức phạt 6.000.000 đồng. Ngày 17/11/2023 đã nộp phạt xong.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 06/7/2023 đến ngày 15/7/2023, hiện đang bị áp dụng biện pháp “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. Có mặt.

3. Hà Thị H1, sinh năm 1990 (Tên gọi khác: TT), tại YB; HKTT: Thôn KH, xã Tn, huyện YB1, tỉnh YB; Nơi tạm trú: Thôn SQ, thị trấn G, huyện G, tỉnh B; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 05/12; Dân tộc: Thái; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Hà Văn H2, sinh năm 1966 và bà Hà Thị A, sinh năm 1964; Gia đình có 03 chị em, bị cáo là con thứ 3; chồng: Nguyễn Văn Q, sinh năm 1985 (đã ly hôn); con: Có 02 con, lớn sinh năm 2009, nhỏ sinh năm 2013.

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 06/7/2023 đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh B. Có mặt.

- **Người bào chữa cho bị cáo Hà Thị H1:** Bà Phan Thị Thu H3- Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước, tỉnh B. Có mặt.

- **Người bị hại:** Anh Đỗ Đức T1, sinh năm 2001, trú tại: Thôn C, xã Vk, huyện VG, tỉnh HY. Vắng mặt.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Công ty Cổ phần vận tải và dịch vụ công cộng B, địa chỉ: Số 518, đường HTh, phường SH, Tp B, tỉnh B- Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Mạnh V, Giám đốc, người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thạch C, sinh năm 1965- Trưởng ban pháp chế công ty. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 18 giờ 30 phút ngày 06/7/2023 tại đường Trần Hưng Đạo đoạn thuộc thôn NP, thị trấn G, huyện G, tỉnh B sau khi nhận được thông tin trình báo của anh Đỗ Đức T1, sinh năm 2001 trú tại thôn Cầu, xã Vk, huyện VG, tỉnh HY về việc anh T1 bị Trần Văn L, sinh năm 1989 trú tại thôn HĐ, xã ĐL, huyện G, tỉnh B sử dụng hình ảnh, video có nội dung nhạy cảm của anh T1 để đe dọa, chiếm đoạt số tiền 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng) tổ công tác Công an huyện G đã kịp thời có mặt tại nơi xảy ra sự việc kiểm tra và bắt quả tang Trần Văn L về hành vi cưỡng đoạt tài sản. Quá trình bắt quả tang, thu giữ trên người L số tiền 4.000.000 đồng (gồm 8 tờ tiền, mỗi tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng), L khai là tiền L vừa đe dọa, chiếm đoạt được của anh T1. Ngoài ra, tổ công tác không thu giữ gì khác. Sau đó, tổ công tác

tiến hành L biên bản thu giữ và niêm phong vật chứng, biên bản bắt người có hành vi phạm tội quả tang theo quy định.

Quá trình tiếp tục đấu tranh, làm rõ sự việc: vào hồi 19 giờ cùng ngày Hà Thị H1, sinh năm 1990 trú tại thôn KH, xã Tn, huyện YB1, tỉnh YB, nơi ở hiện tại thôn SQ, thị trấn G, huyện G, tỉnh B đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện G đầu thú do có hành vi giúp sức Trần Văn L thực hiện hành vi cưỡng đoạt tài sản đối với anh T1.

Ngày 07/7/2023 Nguyễn Văn H, sinh năm 1990 trú tại xóm 7, xã XC, huyện XT, tỉnh ND, nơi ở hiện nay phố CM, phường VD, thành phố B, tỉnh B đến Công an huyện G xin đầu thú về hành vi cướp tài sản của anh Đỗ Đức T1 vào ngày 05/7/2023.

Theo lời khai nhận của Nguyễn Văn H, Trần Văn L, Hà Thị H1 và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có đủ căn cứ xác định:

Bản thân Hà Thị H1 làm nghề lao động tự do tại thị trấn G, huyện G, tỉnh B từ đầu năm 2023. Khoảng đầu tháng 7/2023, qua mạng xã hội Hà Thị H1 quen biết với anh Đỗ Đức T1 làm nghề Shipper tại khu vực huyện Lương Tài và huyện G, tỉnh B. Khoảng 15h ngày 03/7/2023, sau khi giao hàng xong tại địa bàn huyện Lương Tài, anh T1 rủ Hà Thị H1 đến nhà nghỉ Minh Tuyết thuộc địa phận thôn QB, xã QP, huyện G, tỉnh B nói chuyện. Qua cuộc nói chuyện, H1 cho anh T1 số điện thoại của H1 và nói với anh T1 nếu sau này T1 có nhu cầu sinh lý, cần quan hệ tình dục thì H1 sẽ bán dâm cho T1. Đến tối ngày 03/7/2023, T1 lấy ảnh đại diện trên trang cá nhân Zalo của H1 (ảnh chân dung H1) đăng ảnh và số điện thoại của H1 lên một nhóm Chat tại ứng dụng Telegram của anh T1 về việc H1 bán dâm để khoe với mọi người trong nhóm, nếu ai muốn mua dâm thì liên hệ với H1. Sau khi T1 đăng xong thì có người lạ nhắn tin cho H1 hỏi việc mua bán dâm và nói việc có người đăng ảnh và số điện thoại của H1 lên ứng dụng Telegram. Biết T1 là người đăng thông tin cá nhân của mình lên nhóm Chat cho người khác biết nên H1 đã yêu cầu T1 xóa đi và T1 đồng ý. Bức xúc trước việc làm của T1, H1 đã kể lại việc T1 đăng nội dung liên quan đến mình lên mạng xã hội cho Trần Văn L là bạn của H1 biết.

Khoảng 13 giờ 30 phút, ngày 05/7/2023 T1 đi giao hàng qua địa bàn huyện G và liên hệ hẹn H1 ra nhà nghỉ Minh Tuyết để mua dâm. Thời điểm này H1 đang ngồi uống nước cùng Trần Văn L, H1 bảo L “Nó lại hẹn em ra nhà nghỉ, hôm nay em phải bắt nó xóa hết”, L bảo H1 “Để anh đi cùng em không đàn bà con gái nó đánh cho” do L lo ngại H1 sẽ bị T1 đánh khi đi một mình đến gặp T1. L bảo H1 đến nhà nghỉ Minh Tuyết gặp T1 trước rồi L sẽ đến sau. Sau đó H1 đi đến nhà nghỉ Minh Tuyết gặp T1 tại phòng 303 còn L gọi cho Nguyễn Văn H, sinh năm 1990 trú tại Xóm 7, xã XC, huyện XT, tỉnh ND là bạn L mới quen đang sinh sống tại QV – B. L rủ H đi cùng L để yêu cầu T1 xóa nội dung T1 đã đăng về H1 lên mạng xã hội đi và

đánh cảnh cáo T1. H bắt xe Taxi sang địa bàn xã ĐL, huyện G rồi được L tới đón để đi đến nhà nghỉ Minh Tuyết.

H1 đi đến nhà nghỉ Minh Tuyết gặp T1, H1 hỏi T1 tại sao lại đăng ảnh của H1 lên mạng xã hội sau đó tranh cãi với T1 thì L gọi điện cho H1 hỏi H1 “Em ở phòng bao nhiêu” thì H1 trả lời “Em ở phòng 303”. Ngay sau đó L và H đi thẳng đến phòng 303 nhà nghỉ Minh Tuyết. Thời điểm này H1 và T1 vẫn đang tranh cãi về việc T1 đăng ảnh và số điện thoại của H1 lên mạng xã hội. T1 đang xin lỗi H1 thì L xông đến dùng tay tát vào mặt T1 một cái, dùng chân đạp vào chân của T1 một cái còn H thì dùng tay tát vào mặt T1 một cái, do chỉ có một mình nên T1 hoảng sợ và không dám phản kháng, chống cự. L nói “Sao mà đăng ảnh của người ta lên mạng xã hội” thì T1 xin lỗi. H1 lấy điện thoại của T1 ra kiểm tra xem T1 đã xóa nội dung đã đăng về H1 chưa thì thấy T1 đã xóa hết. Lúc này H1 yêu cầu T1 cởi quần áo ra chỉ còn mặc quần sịp. Do đang hoảng sợ, lo lắng sẽ tiếp tục bị đánh nếu không làm theo nên T1 đã cởi quần áo theo yêu cầu của H1. Sau đó, H1 sử dụng điện thoại di động của H1 chụp và quay lại hình ảnh của T1 chỉ mặc sịp rồi yêu cầu T1 cung cấp số điện thoại của bố, mẹ và vợ của T1, tài khoản mạng xã hội của T1, mục đích để nếu T1 còn đăng nội dung gì về H1 nữa thì H1 sẽ gửi ảnh và video mà H1 vừa chụp, quay cho người nhà của T1 biết và đăng các ảnh, video này lên mạng xã hội.

Sau khi quay xong, T1 mặc quần áo rồi hứa không đăng ảnh của H1 lên mạng xã hội. Lúc này, H tiếp cận T1 dùng tay khoác qua cổ T1 và vỗ vào mặt T1 cảnh cáo thì T1 nói “Các anh, các chị cho em xin lỗi”, H hỏi H1 là “Chị muốn bồi thường danh dự, nhân phẩm bao nhiêu”, H1 trả lời “Em không cần nó bồi thường gì cả, chỉ cần nó không đăng ảnh em lên là được”. Sau đó L đồng ý với H1 và cũng bảo H là chỉ cần T1 xóa hình ảnh của H1 chứ không yêu cầu T1 phải đưa tiền. Tuy nhiên, do H muốn lấy tiền của T1 để trả tiền xe taxi nên H hỏi T1 “Có tiền không?”, T1 sợ hãi nói “Em có một triệu trong tài khoản”, H yêu cầu T1 kiểm tra số tiền trong tài khoản thì T1 mở điện thoại ra kiểm tra trong tài khoản còn hơn 500.000 đồng và lấy từ trong túi quần ra số tiền hơn một trăm nghìn đồng (T1 xin trả tiền nhà nghỉ). H yêu cầu T1 chuyển cho H 500.000 đồng, T1 đã chuyển 500.000 đồng vào số tài khoản số: 666668383, chủ tài khoản “Nguyen Van H” ngân hàng Techcombank của H. Quá trình H thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của T1, H1 và L và đang nói chuyện với nhau ngay cửa ra vào (cửa đang mở) nên không biết việc T1 chuyển tiền cho H như thế nào. Quá trình điều tra, L và H1 đều khẳng định mục đích đánh và quay video T1 chỉ nhằm buộc T1 xóa hình ảnh của H1 trên trang mạng xã hội chứ không có mục đích chiếm đoạt tài sản. Bản thân H cũng thừa nhận khi H yêu cầu T1 chuyển tiền cho mình thì H1 và L đều không để ý nên không biết.

Đến khoảng 12h ngày 06/7/2023, L đi đến phòng trọ của H1 chơi, L mượn điện thoại di động của H1 và xin số điện thoại của T1, H1 đồng ý rồi đi ngủ. L sử

dụng điện thoại di động của H1 chuyển các video, hình ảnh nhạy cảm của T1 sang điện thoại di động của L. Quá trình L sử dụng điện thoại di động của H1 để chuyển những nội dung, hình ảnh nhạy cảm của T1 sang điện thoại di động của L thì H1 không biết và L cũng không nói cho H1 biết. Sau đó L sử dụng số điện thoại di động của L là 0587.40.5555 nháy vào số điện thoại 0963.078.307 của T1 rồi sử dụng Zalo tên “B” của L kết bạn với Zalo của T1. L gọi điện thoại cho T1 nói “Anh hôm qua tát mày đây, mày kết bạn Zalo với anh” để T1 nhận ra L. L sử dụng Zalo của L nhắn tin cho T1 “Mày còn những hình ảnh của H1 thì mày xóa đi, mày có tin anh gửi hình ảnh mày nhắn tin với người ta đi nhà nghỉ cho vợ mày, bố mẹ mày không”. L tiếp tục nhắn tin đe dọa T1 về việc L đăng tải, chia sẻ nội dung tin nhắn, hình ảnh nhạy cảm của T1 cho bố, mẹ, vợ của T1 và chia sẻ lên mạng xã hội để vợ T1 biết sẽ bỏ T1. Sau đó L gửi những hình ảnh nhạy cảm trên cho T1 xem để ép buộc T1 phải đưa tiền cho L. T1 sợ L gửi hình ảnh, video cho bố, mẹ, vợ của T1 và đăng tải video, hình ảnh lên mạng xã hội, T1 bảo đưa cho L số tiền 2 đến 3 triệu để L xóa những video, hình ảnh nhạy cảm của T1 đi, L bảo T1 “2 triệu, 3 triệu của mày là to à”, “Cho mày lựa chọn thêm một lần nữa, xong thì cuộc sống mới yên ổn được”, mục đích để T1 phải đưa nhiều tiền hơn. Rồi L hẹn T1 đến 18h cùng ngày liên hệ lại với L, nếu không L sẽ cho người thân của T1 biết và đăng tải nội dung nhạy cảm của T1 lên mạng.

Đến hơn 16 giờ ngày 06/7/2023, T1 nhắn tin cho L bảo T1 xoay được 4 triệu thì L đồng ý, L bảo T1 chuyển tiền vào tài khoản cho L khi nhận được tiền thì L sẽ xóa hình ảnh, video nhạy cảm của T1. Tuy nhiên T1 không có tiền trong tài khoản nên L hẹn T1 đến cổng Trung tâm y tế huyện G để giao tiền. L điều khiển xe ô tô nhãn hiệu Toyota vios mang BKS: 99E – 000.84 đến cổng Trung tâm y tế huyện G thấy có đông người, L sợ người khác phát hiện nên tiếp tục bảo T1 nhờ người khác chuyển tiền cho H nhưng T1 lại nói muốn gặp L và chứng kiến việc L xóa nội dung nhạy cảm của T1 đi thì mới yên tâm, đồng thời sợ khi đưa tiền cho L, H1 vẫn còn những nội dung, hình ảnh nhạy cảm của T1. Vì vậy T1 liên hệ với H1 nói lại việc T1 bị L sử dụng hình ảnh, nội dung nhạy cảm để uy hiếp tinh thần, ép buộc T1 phải giao số tiền 4 triệu đồng cho L cho H1 biết và nhắn tin cho H1 “Em sợ em gửi rồi mai chị lại bảo em đưa, giờ em đưa tiền, chị xóa video em mới tin, chứ đưa xong mai chị lại thế thì em chết đi sống lại không chịu được”. H1 hiểu ý của T1 là T1 sợ đưa tiền cho L nhưng H1 vẫn không xóa ảnh, video của T1. Tiếp đó T1 có bảo H1 là đợi mãi không thấy L đến để lấy tiền hay L chê ít thì H1 bảo T1 đi về không phải đợi nữa. Tuy nhiên H1 gọi điện cho L và bảo “Chồng ơi, cái thằng bé kia nó bảo nó xoay được 4 triệu thôi, thôi ra lấy giúp nó, mọi người nhẹ tay với nó một tí” ý H1 nói H1 đồng ý cho L lấy 4 triệu đồng của T1 và bảo L lấy tiền xong thì không gây khó dễ cho T1 nữa.

Sau khi H1 gọi cho L xong, L gọi cho T1 hẹn T1 ra đường Trần Hưng Đạo thuộc thôn NP, thị trấn G, huyện G, tỉnh B gặp nhau giao tiền. L điều khiển xe ô tô mang BKS: 99E – 000.84 đến gặp T1, tại đây T1 đưa tiền cho L rồi L đưa điện thoại của L cho T1 để T1 xóa Video đi, khi L cầm tiền T1 đã nhắn tin cho H1 biết. Lúc này lực lượng Công an đến kiểm tra bắt quả tang L về hành vi Cưỡng đoạt tài sản.

Thu giữ vật chứng:

Quá trình điều tra Cơ quan điều tra đã thu giữ: 01 (một) điện thoại di động màn hình cảm ứng nhãn hiệu OPPO, số IMEI 1: 869559055715598, số IMEI 2: 869559055715580 đã qua sử dụng của Trần Văn L; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Vivo, kiểu máy Vivo 1935, số IMEI 1: 862101048816931, IMEI 2: 862101048816923 đã qua sử dụng của Hà Thị H1; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, kiểu máy Iphone 6 Plus, số IMEI: 355389071029472 đã qua sử dụng của Nguyễn Văn H. 01 (một) xe ô tô nhãn hiệu Toyota Vios mang BKS: 99E – 000.84. Tiền Việt Nam: 4.000.000 đồng thu giữ trên người L là tiền L đe dọa, chiếm đoạt được của anh T1.

Cáo trạng số 75/CT- VKSGB ngày 30/11/2023 của VKSND huyện G, tỉnh B đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn H về tội “Cướp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 168 Bộ luật hình sự và truy tố các bị cáo Trần Văn L và Hà Thị H1 về tội “Cưỡng đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 170 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo hành vi phạm tội như trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G thực hành quyền công tố tại phiên tòa phát biểu luận tội giữ nguyên cáo trạng truy tố bị cáo; Sau khi phân tích hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đã đề nghị HĐXX: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn H phạm tội “Cướp tài sản” và các bị cáo Trần Văn L, Hà Thị H1 phạm tội “Cưỡng đoạt tài sản”.

Cáo trạng số 75/CT- VKSGB ngày 30/11/2023 của VKSND huyện G, tỉnh B đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn H về tội “Cướp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 168 Bộ luật hình sự và truy tố các bị cáo Trần Văn L và Hà Thị H1 về tội “Cưỡng đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 170 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo hành vi phạm tội như trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G thực hành quyền công tố tại phiên tòa phát biểu luận tội giữ nguyên cáo trạng truy tố bị cáo; Sau khi phân tích hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đã đề nghị HĐXX: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn H phạm tội “Cướp tài sản” và các bị cáo Trần Văn L, Hà Thị H1 phạm tội “Cưỡng đoạt tài sản”.

Căn cứ khoản 1 Điều 168; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt Nguyễn Văn H từ 38 tháng tù đến 41 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 07 tháng 7 năm 2023.

Căn cứ khoản 1 Điều 170; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự, Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự: Xử phạt Trần Văn L từ 18 tháng tù đến 21 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 36 tháng đến 42 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Hà Thị H1 từ 15 tù đến 18 tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 30 tháng đến tháng 36 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho UBND nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Áp dụng khoản 4 Điều 328 Bộ luật tố tụng hình sự trả tự do cho bị cáo tại phiên tòa nếu không bị tạm giữ, tạm giam trong vụ án khác.

Về hình phạt bổ sung: Miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo.

Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu sung công quỹ Nhà nước 01 (một) điện thoại di động màn hình cảm ứng nhãn hiệu OPPO, số IMEI 1: 869559055715598, số IMEI 2: 869559055715580 đã qua sử dụng của Trần Văn L; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Vivo, kiểu máy Vivo 1935, số IMEI 1: 862101048816931, IMEI 2: 862101048816923 đã qua sử dụng của Hà Thị H1. 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, kiểu máy Iphone 6 Plus, số IMEI: 355389071029472 đã qua sử dụng của Nguyễn Văn H.

Bà Phan Thị Thu H3- người bào chữa cho bị cáo H1 trình bày và đề nghị: Nhất trí với nội dung bản cáo trạng, về tội danh và khung hình phạt đối với bị cáo Hà Thị H1. Quá trình tố tụng bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo là người dân tộc thiểu số sống tại vùng cao đặc biệt khó khăn nên nhận thức pháp luật còn hạn chế. Bị cáo đã tác động gia đình để bồi thường cho người bị hại và người bị hại có đề nghị xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo do vậy đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo, miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

Trong phần tranh luận, các bị cáo không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát và xin HĐXX giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Các hành vi của người tiến hành tố tụng, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng đều được thực hiện, ban hành theo đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự, nội dung các quyết định ban hành đều đảm bảo tính hợp pháp và đúng căn cứ pháp luật. Tại phiên tòa hôm nay, Người bị hại là anh Đỗ Đức T1 và Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Công ty Cổ phần vận tải và dịch vụ công cộng B do ông Nguyễn Thạch C là Người đại diện theo ủy quyền vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử sau khi nghe ý kiến của bị cáo, đề nghị của Kiểm sát viên đã thảo luận, xét thấy Người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã có lời khai đầy đủ, rõ ràng trong hồ sơ, việc vắng mặt của họ không làm ảnh hưởng đến

việc xét xử vụ án nên đã quyết định tiếp tục việc xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Hội đồng xét xử nhận thấy: Các bị cáo Nguyễn Văn H, Trần Văn L và Hà Thị H1 đều là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Tại phiên tòa các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình.

Qua mạng xã hội Đỗ Đức T1 quen biết với Hà Thị H1, hai bên thỏa thuận nếu T1 có nhu cầu mua dâm, quan hệ tình dục T1 có thể liên hệ với H1. Ngày 03/7/2023 T1 đăng ảnh và số điện thoại của Hà Thị H1 lên một nhóm chat tại ứng dụng Telegram của T1 với nội dung ai muốn mua dâm có thể liên hệ với H1. Bức xúc vì bị T1 đăng thông tin cá nhân của H1 lên mạng xã hội, H1 đã kể và cùng bàn bạc với Trần Văn L hẹn T1 để răn đe, cảnh cáo T1.

Vào hồi 15 giờ ngày 05/7/2023 H1 hẹn gặp T1 tại phòng 303 nhà nghỉ Minh Tuyết thuộc thôn Quỳnh Bội, xã Quỳnh Phú, huyện G, tỉnh B. H1 lên phòng nói chuyện với T1 trước sau đó gọi L lên sau. L gọi bạn của L là Nguyễn Văn H cùng đi để đánh dần mặt T1. Tại đây, sau khi vào phòng L dùng tay tát vào mặt T1 một cái, dùng chân đạp vào chân của T1 một cái còn H cũng dùng tay tát vào mặt T1 một cái, do chỉ có một mình nên T1 hoảng sợ và không dám phản kháng, chống cự. Tiếp đó, H1 yêu cầu T1 cởi hết quần áo và dùng điện thoại của H1 chụp ảnh, quay video và lấy số điện thoại của bố, mẹ và vợ T1 mục đích nếu T1 còn đăng nội dung gì về H1 nữa thì H1 sẽ gửi ảnh và video mà H1 vừa chụp, quay cho người nhà của T1 biết và đăng các ảnh, video này lên mạng xã hội. Quá trình này, H hỏi H1 có yêu cầu T1 bồi thường danh dự, nhân phẩm không. H1 trả lời không cần, em chỉ cần nó xóa hết ảnh của em là được, sau đó H1 và L đi ra cửa. Tiếp đó H hỏi T1 có tiền không và yêu cầu T1 phải chuyển khoản số tiền 500.000 đồng vào tài khoản ngân hàng của H. Do ít tuổi và chỉ có một mình nên T1 rất hoảng sợ và đã phải đồng ý với yêu cầu H. Sau đó, cả bốn người ra về.

Đến ngày 06/7/2023, tại thị trấn G, huyện G, tỉnh B, L đã sử dụng hình ảnh, thông tin nhạy cảm mà H1 quay được tại Nhà nghỉ Minh Tuyết vào ngày 05/7/2023 của Đỗ Đức T1 để uy hiếp tinh thần, đe dọa khuất phục T1 khiến T1 phải thỏa thuận giao số tiền 4.000.000 đồng trái với ý muốn cho L. Quá trình này, khi biết L có hành vi sử dụng hình ảnh, video nhạy cảm của T1 để uy hiếp tinh thần khiến T1 phải giao số tiền 4.000.000 đồng trái với ý muốn cho L, H1 đã đồng ý và bảo L chấp nhận lấy số tiền 4.000.000 đồng của T1 đồng thời thực hiện các yêu cầu của T1 để T1 đưa tiền cho L, cụ thể là xóa Video, hình ảnh có liên quan đến T1 trên điện thoại di động của H1 sau đó thông báo cho T1 biết.

Như vậy đã có đủ cơ sở khẳng định: Vào chiều ngày 05/7/2023, tại phòng 303, nhà nghỉ Minh Tuyết ở thôn QB, xã QP, huyện G bị cáo H có hành vi dùng tay tát và dùng chân đá vào người anh Đỗ Đức T1 mục đích đánh dần mặt vì anh T1 đã

đăng hình ảnh và số điện thoại của H1 (bạn gái của L bạn của H) lên mạng xã hội nói rằng H1 là gái bán dâm, sau đó H thấy anh T1 ở tình trạng sợ hãi, không thể chống cự được nên H đã buộc anh T1 phải chuyển cho H số tiền 500.000 đồng từ tài khoản ngân hàng của anh T1 vào tài khoản ngân hàng của H để chiếm đoạt, hành vi đó đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cướp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 168 Bộ luật hình sự.

Ngày 06/7/2023, Trần Văn L có hành vi dùng vi deo và hình ảnh nhạy cảm của anh T1 để đe dọa gây áp lực uy hiếp tinh thần anh T1 với mục đích buộc anh T1 phải đưa cho L 4.000.000 đồng. Hà Thị H1 khi biết L có hành vi đe dọa anh T1 nhằm mục đích chiếm đoạt tài sản của anh T1 thì H1 đã tiếp nhận ý chí của L thể hiện ở việc H1 đã đồng ý và bảo L chấp nhận lấy số tiền 4.000.000 đồng của T1 đồng thời thực hiện các yêu cầu của T1 để T1 đưa tiền cho L, cụ thể là xóa Video, hình ảnh có liên quan đến T1 trên điện thoại di động của H1 sau đó thông báo cho T1 biết, H1 là đồng phạm với L với vai trò giúp sức. Hành vi của L và H1 đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cưỡng đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 170 Bộ luật hình sự.

Các bị cáo phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, xâm phạm đến khách thể là quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ.

Hành vi của các bị cáo gây nguy hiểm cho xã hội đã xâm phạm đến sức khỏe, tài sản của anh T1. Các hành vi đó gây hoang mang trong quần chúng nhân dân, gây mất trật tự, an T1 xã hội nên cần phải có hình phạt nghiêm khắc đối với các bị cáo tương xứng với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội của các bị cáo

Cáo trạng số 75/CT- VKSGB ngày 30/11/2023, của Viện kiểm sát nhân dân huyện G, tỉnh B truy tố H về tội “Cướp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 168 Bộ luật hình sự và bị cáo L, H1 về tội “Cưỡng đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 170 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, không oan sai.

[3] Xét nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thấy:

- Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng.
- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa hôm nay các bị cáo đã khai báo thành khẩn và tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của bản thân. Nhận thức được hành vi của bản thân là vi phạm pháp luật Nguyễn Văn H và Hà Thị H1 đã đến Cơ quan điều tra đầu thú. Bị cáo Trần Văn L có thời gian tham gia nghĩa vụ quân sự từ tháng 10/2007 đến tháng 01/2009. Ngày 08/01/2024 người bị hại có đơn đề nghị và xác nhận bị cáo L và người nhà các bị cáo H, H1 đã bồi thường tổn thất tinh thần cho anh T1 và người bị hại xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo. Do đó, các bị cáo Nguyễn Văn H, Trần Văn L và Hà Thị H1 được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Xét thấy bị cáo Nguyễn Văn H phạm tội thuộc trường hợp rất nghiêm trọng nên cần cách ly khỏi đời sống xã hội một thời gian phù hợp, đủ để cải tạo, giáo dục bị cáo thành công dân có ích cho gia đình, xã hội.

Các bị cáo Trần Văn L, Hà Thị H1 phạm tội có tính chất đồng phạm giản đơn, không có sự phân công, bàn bạc từ trước. Tuy nhiên bị cáo L là người khởi sự, trực tiếp đe dọa anh T1 và nhận tiền của anh T1 nên L có vai trò cao hơn H1. Các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp nghiêm trọng, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Các bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, xét thấy không cần thiết phải cách ly các bị cáo khỏi đời sống xã hội mà cho L và H1 được hưởng án treo cũng đủ để giáo dục cải tạo các bị cáo thành công dân có ích cho xã hội.

[4] *Về hình phạt bổ sung*: Các bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, cuộc sống khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[5] *Về vật chứng của vụ án*:

Quá trình điều tra xác định chiếc ô tô nhãn hiệu Toyota Vios mang BKS: 99E – 000.84 là xe thuộc sở hữu của Công ty cổ phần vận tải và dịch vụ công cộng B do Trần Văn L nhân viên lái xe hợp tác kinh doanh. Ngày 31/8/2023 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện G đã ra Quyết định xử lý vật chứng số 27/QĐ-CQĐT trả lại xe ô tô BKS: 99E – 000.84 cho chủ sở hữu hợp pháp là công ty cổ phần vận tải và dịch vụ công cộng B phù hợp với các quy định của pháp luật.

Ngày 30/10/2023 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện G đã ra Quyết định xử lý vật chứng số 37/QĐ-CQĐT trả lại số tiền 4.000.000 đồng cho anh Đỗ Đức T1.

Đối với số tiền 500.000 đồng Nguyễn Văn H chiếm đoạt của anh Đỗ Đức T1. Gia đình Nguyễn Văn H đã trả lại cho anh T1 đầy đủ số tiền trên.

Đối với 03 (ba) chiếc điện thoại di động là công cụ, phương tiện mà các bị cáo dùng vào việc phạm tội nên cần tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

[6] *Về trách nhiệm dân sự*: Do người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có yêu cầu, đề nghị bồi thường gì nên vấn đề dân sự không đặt ra xem xét.

[7] Đối với hành vi đăng thông tin cá nhân của Hà Thị H1 lên mạng xã hội vào ngày 03/7/2023 của Đỗ Đức T1. Xác định việc T1 đăng thông tin cá nhân của H1 lên mạng không nhằm mục đích bêu rếu, bôi xấu danh dự H1. Sau khi H1 yêu cầu, T1 đã xóa thông tin cá nhân của H1 đi. Bản thân Hà Thị H1 không đề nghị T1 phải bồi thường nên Cơ quan điều tra không xem xét, xử lý.

Đối với hành vi dùng tay, chân đánh Đỗ Đức T1 vào ngày 05/7/2023 tại nhà nghỉ Minh Tuyết của Trần Văn L. Quá trình điều tra xác định mục đích L đánh T1 để cảnh cáo, bênh vực H1, không nhằm mục đích chiếm đoạt tài sản. Hành vi của L đã vi phạm điểm a khoản 5 Điều 7 Nghị định 144/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính phủ. Ngày 02/11/2023, Trưởng Công an huyện G đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 128/QĐ-XPHC đối với Trần Văn L bằng hình thức phạt tiền, mức phạt 6.000.000 đồng. Ngày 17/11/2023 L nộp phạt xong.

Đối với anh Nguyễn Văn H4 chủ nhà nghỉ Minh Tuyết: Ngày 05/7/2023 quá trình bị can Nguyễn Văn H thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của anh Đỗ Đức T1 anh H4 (chủ nhà nghỉ) không biết nên không xem xét xử lý đối với anh H4 (chủ nhà nghỉ). Ngoài ra, vào các ngày 03/7/2023 và ngày 05/7/2023 anh Nguyễn Văn H4 (chủ nhà nghỉ) kinh doanh dịch vụ lưu trú nhưng không thực hiện thông báo lưu trú theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 9 Nghị định 144/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính phủ. Ngày 02/11/2023 Trưởng Công an huyện G đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 129/QĐ-XPHC đối với Nguyễn Văn H4 bằng hình thức phạt tiền, mức phạt 3.000.000 đồng. Ngày 09/11/2023 H4 nộp phạt xong.

[8] Về án phí: Các bị cáo Nguyễn Văn H, Trần Văn L phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Bị cáo Hà Thị H1 là người dân tộc ít người, sinh sống ở vùng khó khăn nên miễn án phí cho bị cáo H1.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn H phạm tội “Cướp tài sản”; các bị cáo Trần Văn L, Hà Thị H1 phạm tội “Cưỡng đoạt tài sản”.

Căn cứ khoản 1 Điều 168; điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn H;

Căn cứ khoản 1 Điều 170; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65; Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Trần Văn L và Hà Thị H1.

Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự. Các điều 106; 135; 136; 329 (đối với bị cáo H); 331; 333 Điều 328 (đối với bị cáo H1) Bộ luật tố tụng hình sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016, của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử phạt Nguyễn Văn H 38 (ba mươi tám) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 07 tháng 7 năm 2023. Tạm giam bị cáo H 45 (Bốn mươi lăm) ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 11 tháng 01 năm 2024, để đảm bảo thi hành án.

Xử phạt Trần Văn L 18 (*mười tám*) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 36 (*ba mươi sáu*) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 11 tháng 01 năm 2024. Giao bị cáo L cho UBND xã ĐL, huyện G, tỉnh B nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Xử phạt Hà Thị H1 15 (*mười lăm*) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 30 (*ba mươi*) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 11 tháng 01 năm 2024. Giao bị cáo H1 cho UBND xã Tn, huyện YB1, tỉnh YB nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Trả tự do cho bị cáo ngay tại phiên tòa nếu không bị tạm giữ, tạm giam trong vụ án khác.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật hình sự.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Luật thi hành án hình sự.

Về vật chứng của vụ án:

+ Tịch thu sung công quỹ Nhà nước 01 (một) điện thoại di động màn hình cảm ứng nhãn hiệu OPPO, số IMEI 1: 869559055715598, số IMEI 2: 869559055715580 đã qua sử dụng của Trần Văn L; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Vivo, kiểu máy Vivo 1935, số IMEI 1: 862101048816931, IMEI 2: 862101048816923 đã qua sử dụng của Hà Thị H1. 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, kiểu máy Iphone 6 Plus, số IMEI: 355389071029472 đã qua sử dụng của Nguyễn Văn H

Vật chứng nêu trên được mô tả theo đúng như Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 10 tháng 01 năm 2024, giữa Công an huyện G và Chi cục thi hành án dân sự huyện G, tỉnh B.

Buộc các bị cáo Nguyễn Văn H và Trần Văn L mỗi người phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm. Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Hà Thị H1.

Các bị cáo H, L, H1 được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh B;
- VKSND tỉnh B;
- VKSND huyện G;
- THA huyện G (án có hiệu lực pháp luật);
- Những người TGTT;
- Lưu HSAV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Xuân S